**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN BÙ ĐĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 42 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 22 /7 /2020
"V/v Ly hôn".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Trần Văn Xuyến
***Các Hội thẩm nhân dân:***
[1] ông Nguyễn Mạnh Dũng;
[2] ông Nguyễn Quang Liêu;

***Thư ký phiên tòa:*** ông Trần Thế Vinh - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, thụ lý số 95/2020/HNGĐ – ST ngày 11 tháng 3 năm 2020, về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33 /2020 / QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

**1.** Nguyên đơn: anh Nguyễn Th T ; Sinh năm 1977 ( có mặt )
Địa chỉ : thôn 3, xã Đ L huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

**2.** Bị đơn: chị Trương TH B Đ ; Sinh năm 1981 ( vắng mặt )
Địa chỉ : thôn 3, xã Đ L huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/2/2020 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Nguyễn Th T trình bày:

Tôi và cô Trương TH B Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, quá trình sống chung đến năm 2017 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính cách không hợp nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, không còn quan tâm tới nhau nữa, đã sống ly thân, không duy trì được hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung, tự thỏa thuận việc nuôi con , không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Trương TH B Đ tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Toà án: anh Nguyễn Th T có đăng ký kết hôn với chị Trương Thị Bích Được, nay anh Nguyễn Th T xin ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là " Tranh chấp ly hôn", theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3]. Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng anh Nguyễn Th T và chị Trương TH B Đ tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, số đăng ký 32, quyển số 01 ngày 04/11/1998, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Trương TH B Đ và anh Nguyễn Th T là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung theo lời khai của anh Nguyễn Th T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng và đã sống ly thân, Bị đơn chị Trương TH B Đ tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, như vậy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, anh Nguyễn Th T được ly hôn với chi Trương TH B Đ .

[4]Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]Về án phí: anh Nguyễn Th T nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ theo luật định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Toà án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, anh Nguyễn Th T được ly hôn với chị Trương Thị Bích Được.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 32, quyển số 01 ngày 04/11/1998 do UBND xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước cấp hết hiệu lực khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: anh Nguyễn Th T nộp số tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010167 ngày 11/03/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước. (Đã nộp xong),

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày

kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H.Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Văn Xuyến**